

Bản án số: 33/2026/DS-PT

Ngày: 03-3-2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Phương

Ông Trần Minh Thập

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 271/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DSST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 38/2026/QĐ-PT ngày 12 ngày 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T

Địa chỉ trụ sở chính: Đường L, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Song D, ông Phan Chí C, ông Lê Nhất T1, ông Trần Ngọc P, bà Trần Nguyễn Nhật O; cùng địa chỉ: Đường T, phường N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền số: 324/2025/GUQ-TPB.LC ngày 27/3/2025). Ông D, bà O có mặt; ông T, ông C, ông T1, ông P vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Kim N, sinh năm: 198x

Bà Bùi Thị Bảo Ng, sinh năm: 198x

Cùng địa chỉ: Đường L, phường N, tỉnh Khánh Hòa; đều vắng mặt (ông N có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/8/2023, ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng có ký kết với Ngân hàng TMCP T Hợp đồng cho vay từng lần số 241/2023/HĐTD/NKH, số tiền vay 1.110.000.000 đồng, thời hạn vay: 360 tháng, thời hạn thanh toán cuối cùng ngày 10/8/2053. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng có thể chấp tài sản cho Ngân hàng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 168, tờ bản đồ số 16, diện tích 976,4 m²; địa chỉ: Thôn Quang Đông, xã Ninh Đông (nay là phường Ninh Hòa), tỉnh Khánh Hòa.

Quá trình vay vốn của Ngân hàng, ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng vẫn không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền cả gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/8/2025 là 1.275.146.923 đồng (*Một tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng*); trong đó nợ gốc là 1.110.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 152.328.563 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.333.281 đồng và tiền lãi chậm trả là 9.485.079 đồng làm một lần ngay. Khoản tiền lãi phát sinh ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng phải tiếp tục trả tính từ ngày 19/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Trường hợp ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng không thanh toán đầy đủ các khoản nợ đã và đang phát sinh cho Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nhà, đất thửa đất số 168, tờ bản đồ số 16, diện tích 976,4 m²; địa chỉ: Thôn Quang Đông, xã Ninh Đông (nay là phường Ninh Hòa), tỉnh Khánh Hòa.

- Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Kim N trình bày:

Ông đồng ý với trình bày của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T về việc ký hợp đồng và số tiền hiện nay ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng còn nợ Ngân Hàng. Tuy nhiên, thời gian vừa qua hộ kinh doanh yếm và thu nhập của gia đình gặp nhiều khó khăn, thiếu hụt về tiền bạc, tài chính dẫn đến chậm trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng đã đến trực tiếp Ngân hàng TMCP T – Phòng giao dịch N nhiều lần để trình bày khó khăn gặp phải và đã gửi giấy đề nghị cơ cấu nợ, miễn lãi và cam kết sẽ sử dụng hiệu quả thời gian cơ cấu, nỗ lực phục hồi công việc và đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng trong thời gian sớm nhất. Về án phí, do Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời

hạn nên đề nghị Ngân hàng TMCP T phải chịu toàn bộ án phí và chi phí tố tụng đã phát sinh trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng không tham gia phiên họp hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DSST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, 92, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 298, Điều 317, Điều 401, Điều 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 3 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng.

1.1. Buộc bị đơn ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền 1.275.146.923 đồng (*Một tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.110.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 152.328.563 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.333.281 đồng và tiền lãi chậm trả là 9.485.079 đồng làm một lần ngay.

1.2. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (19/8/2025) ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 241/2023/HĐTD/NKH ngày 10/8/2023.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Khi ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP T có trách nhiệm trả lại cho ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 715754, sổ vào sổ cấp GCN: CN-04568 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã Ninh Hòa cấp ngày 21/7/2023 cho ông Hoàng Kim N.

Trường hợp ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng không thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP T nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/10/2025, bị đơn ông Hoàng Kim N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DSST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo - bị đơn ông Hoàng Kim N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn trình bày của ông Hoàng Kim N có nội dung kháng cáo như sau: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP T và ông Hoàng Kim N, bà Bùi Thị Bảo Ng là hai quan hệ pháp luật dân sự độc lập, tương ứng với thẩm quyền giải quyết theo lãnh thổ khác nhau, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa giải quyết cả phần tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 168, tờ bản đồ số 16 tại thôn Quang Đông, xã Ninh Đông nay là phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa là không đúng thẩm quyền; mục đích bị đơn vay tín dụng là để tiêu dùng nên phải áp dụng Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để giải quyết; theo đó, không được phép quy định chế tài theo hướng bất lợi cho người tiêu dùng trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ hoặc chấm dứt thực hiện hợp đồng, nếu có thì không có hiệu lực thi hành; việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc và tiền lãi chậm trả trên tiền lãi là không đúng, ông đã có đơn đề nghị Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm tiền lãi; Tòa án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng khi không thu thập đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến quy định nội bộ của Ngân hàng, điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn xác định quá trình thực hiện hợp đồng ngày 26/4/2024, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, thông báo đề nghị bị đơn trả nợ vay nhưng bị đơn không thực hiện đúng việc trả nợ. Ngân hàng không đồng ý với đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm tiền lãi của bị đơn. Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả phù hợp với nội dung hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật. Quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 02/10/2025, bị đơn ông Hoàng Kim N gửi đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 11/2025/DSST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa. Đơn kháng cáo của ông N là hợp lệ theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng vắng mặt; trong đó ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Ng vắng mặt lần thứ hai không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Kim N:

[2.1]. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T khởi kiện đối với bị đơn ông Hoàng Kim N, bà Bùi Thị Bảo Ng về tranh chấp hợp đồng vay tín dụng và ông N, bà Ng đang cư trú tại phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa nên Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa có thẩm quyền thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc ông N, bà Ng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 168, tờ bản đồ số 16 tại thôn Quang Đông, xã Ninh Đông nay là phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa cho Ngân hàng là để đảm bảo cho khoản vay tín dụng. Đối tượng tranh chấp trong vụ án này không phải là quyền sử dụng đất nên việc ông N kháng cáo cho rằng chỉ có Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Khánh Hòa là nơi có bất động sản mới có thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa giải quyết không đúng thẩm quyền là không đúng.

[2.2]. Hợp đồng cho vay từng lần số: 241/2023/HDTD/NKH ngày 10/08/2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: 234/2023/HDBD/NKH ngày 09/08/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP T với ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng là tự nguyện, đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, việc Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết tranh chấp là đúng. Việc ông N kháng cáo cho rằng ông vay tiền dùng vào việc mua bất động sản để ở, mục đích tiêu dùng nên phải căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để giải quyết tranh chấp là không có căn cứ.

[2.3]. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông N, bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Bị đơn đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm tiền lãi nhưng không được Ngân hàng đồng ý. Ngày 27/3/2024, Ngân hàng đã ban hành Thông báo số: 552/2024/TB-TPB.DR về việc thu hồi nợ trước hạn nhưng đến hạn trong thông báo, ông N và bà Ng vẫn không thanh toán nên Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ gốc chưa thanh toán sang nợ quá hạn là phù hợp với nội dung hai bên đã thỏa thuận tại điểm 4.6 Điều 4 của Hợp đồng. Đồng thời, tại điểm 5.3 Điều 5 của Hợp đồng hai bên cũng đã thỏa thuận về việc xử lý trong trường hợp thu hồi nợ trước hạn; theo đó, trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi vay theo hợp đồng thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả (mức lãi suất 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả). Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông N, bà Ng phải trả nợ gốc là 1.110.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 152.328.563 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.333.281 đồng và tiền lãi chậm trả là 9.485.079 đồng một lần (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc ông N kháng cáo cho rằng theo hợp đồng thì đến ngày 10/8/2053 bị đơn mới phải trả toàn bộ nợ gốc 1.110.000.000 đồng và bị đơn không phải trả tiền lãi chậm trả là không có cơ sở.

[2.4]. Ngoài ra, bị đơn ông N kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng khi không thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến quy định nội bộ của Ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông là không có căn cứ.

[2.5]. Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, kháng cáo của bị đơn ông N là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.6]. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Hoàng Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 298, 299, 317, 319, 322, 323, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ các Điều 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Kim N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền 1.275.146.923 đồng (*Một tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.110.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 152.328.563 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.333.281 đồng và tiền lãi chậm trả là 9.485.079 đồng làm một lần ngay.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số: 241/2023/HĐTD/NKH ngày 10/8/2023.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Khi ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP T có trách nhiệm trả lại cho ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 715754, sổ vào sổ cấp GCN: CN-04568 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã Ninh Hòa cấp ngày 21/7/2023 cho ông Hoàng Kim N.

Trường hợp ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng không thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP T nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hoàng Kim N và bà Bùi Thị Bảo Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 50.254.408 đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.929.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003355 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002544 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Hoàng Kim N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Khu vực 1 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín